TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/DS-ST.
Ngày: 07/8/2023.
"V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Tư.
2. Bà Võ Thị Cảnh

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07/8/2023, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 13/3/2023 về việc: ***"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐST-DS ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST - DS ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện K, tỉnh G.
- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn 2, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G.

Ông P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Phạm Thanh P trình bày:

Do là hàng xóm quen biết với nhau nên vào cuối năm 2021 bà Bùi Thị H có mượn ông số tiền 470.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng trong vòng 17 ngày với số tiền lãi 17.000.000 đồng. Đúng hạn 17 ngày sau khi đáo hạn Ngân hàng bà H trả đủ cho ông P số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, số tiền lãi bà H phải trả cho ông P là 17.000.000 đồng, bà H đã trả cho ông P được 11.300.000 đồng, còn nợ lại số tiền lãi

là 5.700.000 đồng. Đến ngày 31/12/2021 ông P đã gặp bà H chốt lại số tiền còn nợ bằng giấy mượn tiền với nội dung bà H có mượn của ông Phạm Thanh P số tiền 5.700.000 đồng, hẹn đến ngày 31/01/2022 bà H sẽ trả đủ cho ông P số tiền còn nợ, được viết trên giấy mượn tiền đánh sẵn, bà H ký và ghi rõ họ tên nhận nợ và giao lại cho ông giữ. Ông đã cung cấp cho Toà án làm chứng cứ khởi kiện.

Quá thời hạn cam kết trả nợ đã lâu, nhưng bà H vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền nợ cho ông như đã thoả thuận. Mặc dù, ông đã nhiều lần gặp trực tiếp yêu cầu bà H trả nợ. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà H phải trả ngay cho ông số tiền nợ còn lại là 5.700.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2023, nguyên đơn ông Phạm Thanh P trình bày là không yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị H phải chịu tất cả các khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án.

Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Ông P khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền còn nợ là 5.700.000 đồng *(năm triệu bảy trăm nghìn đồng*) là đúng sự thật. Vào cuối năm 2021 (không nhớ rõ ngày tháng) bà có mượn của ông P số tiền 470.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng trong vòng 17 ngày với số tiền lãi 17.000.000 đồng. Như đã hẹn, 17 ngày sau khi đáo hạn Ngân hàng xong bà trả đủ cho ông P số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, số tiền lãi bà H đã trả được 11.300.000 đồng, còn nợ lại số tiền 5.700.000 đồng. Đến ngày 31/12/2021 ông P gặp bà H để chốt lại số tiền còn nợ, bà H và ông P đã chốt nợ bằng giấy mượn tiền với nội dung bà có mượn của ông P số tiền 5.700.000 đồng, hẹn đến ngày 31/01/2022 bà H sẽ trả đủ số tiền nợ, được viết trên giấy mượn tiền đánh sẵn, bà H ký và ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền và giao lại cho ông P giữ, nay ông P đã cung cấp cho Toà án để làm chứng cứ khởi kiện. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng do ông P gặp bà H ở chợ, chốn đông người nhưng không giữ thể diện cho bà H mà đòi nợ làm bà mất danh dự nên bà H mới kéo dài thời gian trả nợ.

Nay ông P yêu cầu bà H phải trả ngay số tiền còn nợ là 5.700.000 đồng thì bà H không đồng ý, bà H đề nghị khi nào có tiền thì sẽ trả cho ông P.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy A4 viết tay và đánh máy có nội dung: Giấy mượn tiền...ngày 31/12/2021...Bùi Thị H...có mượn của ông Phạm Thanh P số tiền 5.700.000..kết thúc nội dung có chữ ký ghi rõ họ tên của người mượn tiền Bùi Thị H (bản chính) và 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Thanh P (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1976; có địa chỉ tại: Thôn 2, xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do ông P cung cấp là Căn cước công dân mang tên Phạm Thanh P (bản sao). Bà Bùi Thị H, sinh năm 1971, có địa chỉ tại: Thôn 2, xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do ông P giao nộp là Giấy mượn tiền có đủ chữ ký và địa chỉ của bà H và lời khai của bà H có tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. ***Về tố tụng dân sự***: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn ông Phạm Thanh P và bị đơn bà Bùi Thị H là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay ông P và bên vay là bà H. Quan hệ này được lập thành văn bản, với thời hạn cho vay có kỳ hạn nhưng không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ**.** Nguyên đơn ông Phạm Thanh P có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị H phải trả cho ông số tiền còn nợ là 5.700.000 đồng. Ông P là chủ thể có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2]. ***Về nội dung giải quyết vụ án:***

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh P, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy vay tiền đề ngày 31/12/2021 có nội dung bà Bùi Thị H có mượn của ông Phạm Thanh P số tiền 5.700.000 đồng, hẹn đến ngày 31/01/2022 sẽ trả đủ số tiền nợ, được viết trên mẫu giấy vay tiền đánh sẵn, bà H ký và ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền. Bản chính của Giấy mượn tiền, nguyên đơn đã nộp cho Toà án làm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Chứng cứ là giấy mượn tiền nói trên đã được bà H thừa nhận. Xét chứng cứ do ông P đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật, thể hiện rõ việc bà H còn nợ của ông số tiền là 5.700.000 đồng.

Việc bị đơn bà H đề nghị khi nào bà có tiền thì sẽ trả đã không được nguyên đơn ông P đồng ý và trái với cam kết thỏa thuận trả nợ được ghi trong Giấy mượn tiền ngày 31/12/2021 nên không được HĐXX chấp nhận.

Mặc dù trong Giấy nhận nợ giữa bên vay và bên cho vay không ghi cụ thể là nợ khoản tiền lãi của số tiền 470.000.000 đồng nợ gốc, nhưng tại phiên hòa giải hai bên đương sự đều thừa nhận số tiền nợ trên là khoản tiền nợ lãi. Tại bản tự khai bổ sung ngày 15/6/2023, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị H phải chịu tất cả các khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. HĐXX xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ, buộc bà H phải trả cho ông P số tiền còn nợ là 5.700.000 đồng.

[3]. ***Về án phí:*** Do yêu cầu của ông P được chấp nhận toàn bộ nên ông không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho ông số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà H phải chịu án phí DSST theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh P, buộc bị đơn bà Bùi Thị H phải trả cho ông P số tiền còn nợ là 5.700.000 đồng *(năm triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc bà Bùi Thị H phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phạm Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003790 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai.
-VKSND huyện Kbang.
-Chi cục THADS huyện Kbang.
-Các đương sự.
-Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành